

# ĐỊNH CHẾ PHONG VƯƠNG (TƯỚC) THỜI LÊ SƠ VÀ TRƯỜNG HỢP AN HỨNG VƯƠNG MẠC ĐĂNG DUNG

*Phạm Hoàng Mạnh Hà\**

Thời quân chủ, ngoài việc lập đền thờ tôn vinh, hoặc cho con, cháu hưởng bổng lộc, người đứng đầu triều đình còn có nhiều hành động bày tỏ sự tri ân người có công mà việc phong tước là minh chứng điển hình. Lệ được áp dụng cho nhiều đối tượng, dưới nhiều hình thức. Mỗi trường hợp lại mang ý nghĩa không giống nhau. Bên cạnh sự đảm bảo vinh hoa phú quý còn là những tính toán mang đậm màu sắc chính trị của các bậc quân vương, hoàng đế.

Trong hệ thống tước vị thời quân chủ nói chung, nhà Lê sơ nói riêng, *Vương* là tước vị cao nhất với đầy đủ tiêu chí về đối tượng, cấp bậc, ưu đãi kèm theo.

## **Vương (王), Đế (帝) và vấn đề xưng hiệu của người đứng đầu nhà nước Đại Việt**

Trong diễn trình lịch sử, thời kì đầu, *Vương* được dùng như *xưng danh/tôn hiệu* chỉ người đứng đầu một vùng đất, quốc gia. Người đứng đầu nước Văn Lang được tôn xưng là Hùng vương 雄王, nước Âu Lạc có *An Dương vương* 安陽王, các giai đoạn sau là *Trung vương* 徵王 (Hai Bà Trưng), *Triệu Việt vương* 趙越王 (Triệu Quang Phục), rồi đến *Ngô vương* 吳王 (Ngô Quyền), *Dương Bình vương* 楊平王 (Dương Tam Kha)...

Bước vào thời kỳ “loạn mười hai sứ quân”, Ngô Xương Xí xưng *Vương* - tước vị mang tính *tập tước*, các sứ quân còn lại cao nhất chỉ xưng *Công* theo tiêu chí lấy họ, hoặc họ - đệm làm *hiệu*. Sứ quân Đinh Bộ Lĩnh dẹp yên được các thế lực đã được tôn xưng là *Vạn Thắng vương* (năm 967).

Khi nhà nước quân chủ Việt Nam đủ mạnh, cộng với ý thức tự tôn dân tộc, người đứng đầu vùng đất phía nam Trung Hoa đã xưng Đế. *Vạn Thắng vương* là người đầu tiên xưng Đế (Đinh Tiên Hoàng Đế) năm 968. Lúc này, *vương* được sử dụng như một tước phong cho Hoàng tử (*Nam Việt vương* Đinh Liễn, *Vệ vương* Đinh Toàn). Kể từ *Đinh Tiên Hoàng* để trở về sau, người đứng đầu nhà nước quân chủ phía Nam Trung Hoa liên tục xưng Hoàng đế như: *Đại Hành Hoàng đế* (năm 980), Lý Công Uẩn xưng *Đế hiệu* (năm 1010), Trần Cảnh xưng *Đế* năm 1225, Hồ Quý Lý xưng là *Quốc tổ Chương Hoàng* (đế) năm 1400... Tuy

---

\* Ths. Phòng Nghiên cứu - Sưu tầm, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia

nhiên, đây chỉ là *xung hiệu* trong nội bộ quốc gia, trong quan hệ ngoại giao với Mông Cổ và đặc biệt là với Trung Hoa, người đứng đầu nhà nước Đại Việt vẫn dùng tước phong *An Nam quốc vương* - 安南国王 (của người đứng đầu nhà nước Trung Hoa ban cho) để tránh xung đột (Phan Huy Chú 1961: 135).

Đến thời Lê sơ, thể lệ xưng Đế của người đứng đầu nước Đại Việt bị gián đoạn từ năm 1428 đến khoảng năm 1471. *Bình Định vương* Lê Lợi sau khi đánh đuổi quân Minh đã lên ngôi năm 1428, đặt niên hiệu (Thuận Thiên), quốc hiệu (Đại Việt) nhưng chỉ xưng là *Đại vương*. Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông vẫn theo lệ này (*Đế hiệu* chỉ được dùng để **truy tôn** sau khi mất như Lê Nguyên Long truy tôn Lê Thái Tổ đế hiệu *Cao Hoàng đế*, Lê Thánh Tông truy tôn anh Lê Nhân Tông đế hiệu *Khâm Văn Nhân Hiếu Tuyên Minh Hoàng đế*), tuy nhiên, *Đại vương* hay *Đế* chỉ phân biệt ở góc độ xưng hiệu, không có sự khác biệt về vị trí, ý nghĩa (người đứng đầu nhà nước quân chủ).

Việc người đứng đầu nhà Lê sơ xưng *Đế* có ý nghĩa rất quan trọng về mặt chính trị. Dưới niên hiệu Quang Thuận, triều đình đã nhiều lần kiến nghị Lê Thánh Tông xưng đế nhưng nhà vua không nghe theo. Phải đến cuối năm Hồng Đức thứ hai (tháng 12, năm 1471), trong dịp làm lễ tế trời, Lê Thánh Tông mới xưng *Hoàng hiệu* (tương đương với *Đế hiệu*). Sự kiện này được sử cũ chép lại khá thống nhất: Tháng 12, ngày Giáp Ngọ, làm lễ tế mùa đông, vua (Lê Thánh Tông) xưng là “Hiếu tôn đức hoàng”. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*: “Danh hiệu *Quốc hoàng* có từ đây” (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 453). Tuy nhiên, kể từ thời điểm này trở về sau, trong công việc hàng ngày, Lê Thánh Tông vẫn xưng là *Hoàng đế* - 皇帝 (chữ trên quốc ấn *Hoàng Đế thụ mệnh chi bảo*) hoặc *Hoàng thượng* - 皇上 (trên chế cáo - *Hoàng thượng chế cáo chi mệnh*).

Tuy nhiên, sự kiện Lê Thánh Tông xưng *Đế* đã phôi thai từ những năm cuối niên hiệu Quang Thuận. Từ năm 1467, Lê Thánh Tông đã có ý định và gián tiếp xưng *Hoàng đế*, căn cứ vào chi tiết: “Tháng 12, (năm 1467) vua đưa ấn *Thiên Nam Hoàng Đế chi bảo* cho các tế thần xem để cùng bàn” với ý định xưng là *Thiên Nam Hoàng đế*. Quản thân nhà Lê sơ (Quyền Hộ bộ Thượng thư Nguyễn Cư Đạo) cho rằng hai chữ *Thiên Nam* “mới lạ”, thiếu “hàm súc”, thiếu “ý nghĩa” (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 449). Phải chăng vì thế mà ấn *Thiên Nam Hoàng Đế chi bảo* không được sử dụng?

Việc Lê Thánh Tông xưng *Quốc hoàng* được xem là thao tác hoàn bị cho định chế phong tước *Vương* dưới thời Lê sơ. *Vương* chính thức trở thành tước vị ban phong cho người có quan hệ thân tộc.

### **Định chế phong Vương (tước) thời Lê Sơ**

Lệ phong tước vị *Vương* cho người hoàng tộc đã xuất hiện từ các triều đại quân chủ trước đây, cả ở Việt Nam cũng như Trung Hoa. Về đại thể, có thể khái quát như sau:

**Định chế cơ bản của việc phong Vương (trước)**

Trung Quốc			Việt Nam	
Nhà Hán	Nhà Đường	Nhà Tống	Nhà Lý	Nhà Trần
Không phải họ Lưu (ngoại tộc) không được phong tước Vương	Hoàng tử phong <i>Chư Vương</i> , con trưởng <i>Chư Vương</i> phong <i>Quận vương</i>	Hoàng thân phong <i>Vương</i> , <i>Công</i> . Tể tướng chỉ được phong <i>Quốc công</i>	Hoàng thân được phong <i>Vương</i> (duy nhất một ngoại lệ Tô Hiến Thành)	Hoàng tộc được phong <i>Vương</i> (duy nhất một ngoại lệ là Hồ Quý Ly)

Thời Lê sơ, thời gian đầu, Hoàng tử chỉ được phong tước *Quận công* (*Lương quận công*, *Khai quận công*). Đây dường như là đặc điểm của một vương triều mới được tạo dựng khi mà vai trò của các văn thần, võ tướng còn rất lớn nên Lê Thái Tổ đề cao yếu tố “công thần” hơn “hoàng tộc”. Phải đến khi nhà Lê sơ đi vào ổn định thì yếu tố “hoàng tộc” mới được chú trọng. Người đầu tiên được phong *Vương* dưới thời Lê sơ là Hoàng tử trưởng của Lê Thái Tổ. Sự kiện này được ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* và các bộ *sử, chí*... sau này đều cho những thông tin khá thống nhất: Niên hiệu Thuận Thiên thứ 2 (năm 1429), ngày 7 tháng Giêng, Lê Thái Tổ “sai Nhập nội kiểm hiệu bình chương sự Lê Vấn, Nhập nội đại tư mã Lê Ngân, Nhập nội thiếu phó Lê Văn Linh mang kim sách lập Hữu tướng quốc *Khai quận công* Tư Tề làm *Quốc vương*, giúp coi việc nước”; “sai Nhập nội tư khấu Lê Sát, Tư không Lưu/Lê Nhân Chú, Nhập nội tư mã Lê Lý, Nhập nội thiếu úy Lê Quốc Hưng mang kim sách lập *Lương quận công* Nguyên Long làm Hoàng thái tử” (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 355).

Bước sang giai đoạn trị vì của Lê Nguyên Long thì định chế phong *Vương* cho người hoàng tộc từng bước được hoàn chỉnh. Sau khi lập rồi phế Nghi Dân, tháng 11 năm 1441, Lê Thái Tông lập Bang Cơ làm Hoàng thái tử. Cùng năm, người đứng đầu triều đình quân chủ đương thời phong Nghi Dân tước *Lạng Sơn vương*, phong hoàng tử Khắc Xương phong làm *Tân Bình vương*. Đây có thể xem là sự kiện đặt nền móng cho định chế **phong vương cho người hoàng tộc** dưới thời Lê sơ. Kể từ thời Lê Thái Tông trở về sau, tất cả hoàng tử của nhà Lê sơ đều được phong tước *Vương*. Khác biệt căn bản so với thời Lê Thái Tổ là hoàng thân quốc thích lập tức được phong tước vị *Vương* chứ không phải trải qua tước *Công* (thăng tước).

**Hoàng đế nhà Lê sơ phong Vương hiệu cho người hoàng tộc  
(từ Lê Thái Tổ đến Lê Nghi Dân)**

Năm	Người được phong	Tước vị cao nhất	Quan hệ thân tộc
Triều đại Lê Thái Tổ			
1429	Lê Tư Tề	<i>Quốc vương</i>	Con vua Lê Thái Tổ
1429	Lê Nguyên Long	<i>Hoàng Thái tử</i>	Con vua Lê Thái Tổ

Triều đại Lê Thái Tông			
1441	Lê Nghi Dân	<i>Lạng Sơn vương</i>	Con vua Lê Thái Tông
1441	Lê Khắc Xương	<i>Tân Bình Vương</i>	Con vua Lê Thái Tông
Triều đại Lê Nhân Tông			
1445	Lê Tư Thành	<i>Bình Nguyên vương</i>	Em trai Lê Nhân Tông
Triều đại Lê Nghi Dân			
1459	Lê Tư Thành	<i>Gia vương</i>	Em trai Lê Nghi Dân
1459	Lê Khắc Xương	<i>Cung vương</i>	Em trai Lê Nghi Dân

Đến niên hiệu Quang Thuận, sau sự kiện Lê Thánh Tông xưng Quốc hoàng, định chế phong *vương* cho hoàng thân, quốc thích được *văn bản hóa*. Ngày 26/6/1471, Hoàng đế Lê Thánh Tông hiệu định Hoàng triều quan chế. Việc phong Vương (tước) cho hoàng tộc tuân theo nguyên tắc:

- Hoàng tử (thân vương) được phong vương, lấy phủ làm hiệu như phủ Kiến Hưng thì hiệu là *Kiến Hưng vương*.

- Thế tử (tự thân vương - con của Hoàng tử) lấy huyện làm hiệu, như huyện Hải Lăng thì hiệu là *Hải Lăng vương* (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 469-470).

#### **Trường hợp *An Hưng vương Mạc Đăng Dung***

Quan chế cho hoàng tộc cùng với những quy định, cải cách của Lê Thánh Tông trở thành chuẩn mực để các đời vua sau áp dụng. Căn cứ vào một số sự kiện như:

- Ngày 12 tháng 8 năm 1499, Lê Hiến Tông ra sắc chỉ, quy định: *Lương dân nào dâng thóc nhận quan chức thì cho Phạm Thái vâng mệnh khám xét, nếu đúng là người lương thiện thì cứ theo như lệ trước* (lệ thời Lê Thánh Tông - TG) *mà bố!* (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 507).

- Ngày mùng 4 tháng 3 năm 1508, niên hiệu Đoan Khánh thứ tư, vua Lê Uy Mục ban chiếu có nội dung: *Các đô lại, đề lại và các lại thay phiên nhau ở nha môn trong ngoài nếu có khuyết thì Lại bộ chiếu theo lệ đời Hồng Đức* (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 525).

Có thể khẳng định: định chế phong *vương* nói riêng, tước vị nói chung năm 1471 được duy trì cho đến hết thời Lê sơ hay chí ít là đến hết niên hiệu Đoan Khánh đời vua Lê Uy Mục.

Tuy nhiên kể từ sau năm 1516 mà cụ thể là dưới hai triều đại Lê Chiêu Tông và Lê Cung Hoàng, những quy chuẩn này từng bước bị phá vỡ, biểu hiện qua sự kiện: Mùa hạ, tháng 4, vua sai *Tùng Dương hầu* Vũ Hữu, *Lan Xuyên bá* Phan Đình Tá, Trung sứ Đỗ Hiếu Để cầm cờ tiết, mang kim sách, mũ áo, ô lọng, đai ngọc, kiệu tía, quạt hoa, tán tía đến làng

Cổ Trai, huyện Nghi Dương, tiên phong Mạc Đăng Dung làm *An Hưng Vương*, gia thêm Cửu tích, Đăng Dung đón tiếp ở bến đò An Tháp, huyện Tân Minh (Lê Văn Huru, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 566) (theo *Đại Việt thông sử* thì thông tin này có khác biệt căn bản, đó là tước An Hưng vương là do Mạc Đăng Dung “tự thăng”).

Đối chiếu thông tin từ hai nguồn sử liệu, có thể khẳng định: thể lệ phong tước *Vương* trong những năm cuối thời Lê sơ đã không còn tuân theo quy chuẩn của niên hiệu Hồng Đức: một quyền thần ngoại tộc được phong tước vị cao nhất (*Vương*). Đây là “ngoại lệ” (chữ dùng của Lê Kim Ngân) mà để hiểu đúng bản chất sự việc, cần làm rõ vai trò và ảnh hưởng của Mạc Đăng Dung với triều đình quân chủ trung ương đương thời.

*Vai trò và tước vị của Mạc Đăng Dung dưới thời Lê Chiêu Tông*

Tài liệu để lại cho biết: Mạc Đăng Dung (莫登庸) quê ở làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương. Cụ Tổ 7 đời là Mạc Đĩnh Chi, đậu Trạng nguyên khoa Giáp Thìn (1304) thời vua Anh Tông nhà Trần. Mạc Đăng Dung sinh giờ Ngọ, ngày 23 (Nhâm Tý) tháng 11, năm Quý Mão, niên hiệu Hồng Đức thứ 14 (1483), ít tuổi đã dưng hãn, nhà nghèo, làm nghề đánh cá. Thời vua Uy Mục, trước nhu cầu tuyển chọn dũng sĩ của triều đình, Mạc Đăng Dung dự thi nghề “Giao chật” (đánh vật) và được phong là Đô lực sĩ xuất thân rồi được sung vào quân Túc vệ, “giữ việc cầm dù theo xe vua”.

Những thông tin từ các bộ chính sử cho chúng ta thông tin: Mạc Đăng Dung tham dự chính quyền nhà Lê trong tư thế một võ quan. Lược bỏ những đánh giá dưới lăng kính “trung quân ái quốc” của Lê Quý Đôn về nhân vật này (*Đăng Dung là người rất gian trá, nhưng bề ngoài làm ra vẻ thật thà ngay thẳng, để mua danh dự* - theo chúng tôi là chưa thỏa đáng), có thể thấy con đường thăng tiến của Mạc Đăng Dung khá nhanh.

Năm Hồng Thuận thứ 3 (tức năm 1511), Mạc Đăng Dung được phong tước *Vũ Xuyên bá* khi 29 tuổi. Năm Hồng Đức thứ 7 (năm 1476), triều đình sai Mạc Đăng Dung trấn thủ Sơn Nam, gia phong Phó tướng Tả đô đốc. Năm Quang Thiệu thứ 3 (1518), Đăng Dung thăng tước *Vũ Xuyên hầu* và được cử trấn thủ Hải Dương. Tại đây ông mộ quân và có nhiều biện pháp chinh đốn đội ngũ nên “binh số ngày thêm nhiều”. Để tránh đối đầu với thế lực của *Thiết Sơn bá* Trần Chân lúc này đang nắm quyền binh ở kinh sư, Mạc Đăng Dung đã ràng buộc Trần Chân bằng quan hệ hôn nhân (hỏi cưới con gái Trần Chân cho Mạc Đăng Doanh).

Sự kiện Hoàng đế nhà Lê nghe lời gièm pha giết Trần Chân đã châm ngòi cho một cuộc tấn công vào cung đình. Nguyễn Kính vốn là một tướng mạnh ở Sơn Tây đồng thời là thuộc hạ của Trần Chân đã đánh vào kinh đô. Vua Lê phải xa giá sang Gia Lâm. Quân đơn, tướng ít, vua Chiêu Tông phải “sai Hà Văn Chính và Lê Đại Đồ đi triệu Đăng Dung” những mong khôi phục kinh sư. Nhờ những biến loạn cung đình này mà Mạc Đăng Dung đã chớp thời cơ, thực thi hàng loạt kế sách để tiến gần hơn đến ngai vàng nhà Lê.

Trước hết là không chế vua Lê Chiêu Tông, lấy lí do “để tiện theo hầu”, Mạc Đăng Dung đề xuất vua Lê dời về điện Thuần Mỹ (Bồ Đề). Tuy nhiên, nhận thấy Bồ Đề khá gần với nơi đóng thủy quân của “bọn con em Trần Chân”, Mạc Đăng Dung tiếp tục đưa vua đến Bảo Châu.

Sau đó, đối với các công thần nhà Lê, Mạc Đăng Dung hoặc dùng kế phản gián, hoặc thẳng tay trừng trị. Lúc này, “*đại quyền trong triều ngoài quận đều thuộc về tay Đăng Dung*”. Năm 1519, đề phong thưởng cho Mạc Đăng Dung nhờ công lao đánh dẹp và bắt sống Lê Tiểu ở Từ Liêm, dụ hàng Nguyễn Kính và Hoàng Duy Nhạc, vua Lê sau khi về lại kinh đô đã thăng tước cho Mạc Đăng Dung, từ tước “hầu” lên tước “Quận công” (*Minh Quận công*). Một năm sau, vua Lê phong cho Mạc Đăng Dung chức Tiết chế 13 Đạo thủy lục quân. Với vị trí này, Mạc Đăng Dung đã thống lĩnh toàn bộ quân đội của đất nước.

Năm 1521, nhà Lê gia phong tước vị cho Mạc Đăng Dung, từ tước “Quận công” (*Minh Quận công*) lên tước “Quốc công” (*Nhân Quốc công*). Có thể nói, nếu theo thể lệ phong tước của nhà Lê được quy định từ thời Hồng Đức thì đây đã là tước vị cao nhất đối với một quần thần ngoại tộc.

Tước phong của Mạc Đăng Dung được chép tương đối thống nhất trong cả hai bộ chính sử: *Đại Việt thông sử* và *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tuy nhiên, theo Lê Quý Đôn thì đây là tước hiệu *Nhân Quốc công* do Mạc Đăng Dung “tự phong”.

Tài liệu lược của Mạc Đăng Dung tiếp tục được chứng tỏ bằng nhiều sự kiện tiếp theo: đánh dẹp và bắt Trần Thăng ở Lạng Nguyên (mùa đông năm 1521), hai lần tấn công (lần thứ nhất thất bại) và đánh dẹp Lê Bá Hiếu ở Đông Ngàn. Thời điểm này, cán cân chính trị trong triều đình nhà Lê đã nghiêng hẳn về Mạc Đăng Dung. Yếu tố duy nhất mà nhà Lê có thể ngồi yên trên ngai vàng là hy vọng vào lòng “trung nghĩa” (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 558-559) của Mạc Đăng Dung nhưng lúc này *Nhân quốc công* đã “muru việc phản nghịch”.

Có thể thấy, dưới thời Lê Chiêu Tông, vai trò, ảnh hưởng của Mạc Đăng Dung với nhà Lê rất lớn. Những đóng góp lớn lao của vị *Nhân Quốc công* họ Mạc trong việc dẹp loạn, phò tá Hoàng đế đã giúp Mạc Đăng Dung trở thành người có quyền lực lớn nhất cung đình, tước vị của một người ngoại tộc như Mạc Đăng Dung đã đạt đến tột đỉnh và điều đáng nói là tước “Quốc công” của ông vẫn nằm trong những thể chế nghiêm ngặt về tước phong mà Lê Thánh Tông đặt ra từ thời Hồng Đức.

*Lê Chiêu Tông bỏ kinh đô, Mạc Đăng Dung tiếm quyền vua, phong tước “hầu” cho Mạc Đăng Doanh*

Việc quyền thần ngoại tộc duy nhất của nhà Lê sơ sở hữu tước *Vương* gắn với những biến cố chính trị lớn lao của triều đình, thông qua hai sự kiện: vua Lê Chiêu Tông xuất giá và Mạc Đăng Dung dựng Lê Cung Hoàng lên ngôi Hoàng đế.

Lúc này, quyền lực của Mạc Đăng Dung rất lớn, át cả người đứng đầu triều đình quân chủ. Hoàng sơ trước thế lực của Mạc Đăng Dung, Lê Chiêu Tông ngầm bàn với Nguyễn Hiến và Phạm Thứ kế hoạch bỏ kinh đô, triệu tập quan lại bốn phương để loại bỏ thế lực nhà Mạc. Sử cũ chép: năm 1522, (Phạm) Hiến, (Phạm) Thứ vào hầu yến, rồi đón vua ra ngoài, Hoàng thái hậu và em vua là Xuân không được biết. Vua ra đến xã Mộng Sơn, huyện Minh Nghĩa, Sơn Tây (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 560).

Để tránh tiếng phản loạn, Mạc Đăng Dung đã đưa Lê Xuân lên ngôi báu, có nghĩa với vương triều Lê sơ, lúc này ông vẫn giữ tư thế một quần thần.

Lê Xuân (黎椿), sinh ngày 26 tháng 7 năm Đoan Khánh thứ 3 (tức năm 1507), là cháu của Thánh Tông Thuần hoàng đế, cháu nội của Kiến Vương Lê Tân, con thứ của Cẩm Giang vương Lê Sùng (黎崇), là em cùng mẹ với Chiêu Tông Thần hoàng đế. Lê Xuân được Mạc Đăng Dung đưa lên ngôi vua đồng nghĩa vương triều nhà Lê lúc này có hai vị hoàng đế, được gọi theo niên hiệu, là Thống Nguyên đế (統元帝) - Lê Cung Hoàng và Quang Thiệu đế (光紹帝) - Lê Chiêu Tông.

Mặc dù danh nghĩa Hoàng đế cuối cùng của nhà Lê sơ nhưng thực chất, Lê Cung Hoàng không có thực quyền và hoàn toàn bị Mạc Đăng Dung khống chế. Sự kiện Mạc Đăng Dung “đem con gái nuôi vào hầu vua, tiếng là cháu hầu, thực ra là để dò xét, coi giữ. Lại cho con trưởng là Đăng Doanh làm Dục Mỹ hầu, trông coi điện Kim Quang” (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993:559) chính là biểu hiện tối cao của một vị “tướng thực quyền” lấn át “vua hư danh”. Lần đầu tiên kể từ khi Lê Thái Tổ dựng nghiệp, tước Dục Mỹ hầu không do Hoàng đế ban phong.

*Lần đầu tiên và duy nhất một quyền thần ngoại tộc được phong tước “Vương” dưới thời Lê sơ*

Cuộc đối đầu giữa hai thế lực: Lê Chiêu Tông và Lê Cung Hoàng (do Mạc Đăng Dung điều khiển) kéo dài trong hơn 3 năm, từ tháng 7 năm 1522 đến tháng 10 năm 1525 (thời điểm Lê Chiêu Tông bị bắt). Thời gian đầu, ưu thế nghiêng về Quang Thiệu đế (có thời điểm Mạc Đăng Dung phải rút sang vùng đất Hải Dương). Tháng 9 năm ấy, Lê Chiêu Hoàng chiếm lại kinh đô, đóng ở phía tây kinh thành, làm hành điện, dựng nhà Thái Miếu phía đông.

Tuy nhiên, đến năm 1522, khi Vĩnh Hưng bá Trịnh Tuy đưa Lê Chiêu Tông vào Thanh Hóa thì nội bộ Quang Thiệu đế bất hòa. Thế lực vua Lê Chiêu Tông suy yếu trầm trọng khi hai tướng Nguyễn Kính, Nguyễn Áng về hàng Mạc Đăng Dung. Nhận thấy cục diện chính trường đã thay đổi Mạc Đăng Dung ép Lê Cung Hoàng giáng Chiêu Tông xuống tước “vương” - Đà Dương vương.

Trong 2 năm: 1524 và 1525, Mạc Đăng Dung hai lần dẫn quân vào Thanh Hóa, lần

lượt đánh bại Trịnh Tuy và bắt giam Lê Chiêu Tông. Niên hiệu Thống Nguyên thứ ba, Mạc Đăng Dung tự thăng lên chức Bình chương quân quốc trọng sự, Thái phó, tước *Nhân Quốc công* (Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* thì *Nhân quốc công* là tước do vua Lê phong tặng, không phải “tự thăng” như những ghi chép của tác giả *Đại Việt thông sử*), tiếp tục sai Mạc Quyết dẫn quân đánh Trịnh Tuy ở Nguyên Đầu, chiếm hết các quận, huyện ở Tây Đô... Niên hiệu Thống Nguyên thứ 4 (1525), tháng 10 Đăng Dung tự làm Đô Tướng, dẫn tất cả thủy quân và bộ binh các doanh trong thiên hạ vào Thanh Hoa, Hoàng đế bức bách, chạy vào động An Nhân núi Cao Trĩ châu Lương (Lang) Chánh, Đăng Dung đến ép vua đưa về Kinh Sư (Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên 1993: 564).

Năm 1526, Lê Chiêu Tông bị thủ tiêu, vị Hoàng đế thứ 11 nhà Lê sơ là Lê Cung Hoàng hoàn toàn bắt lực trước sự lộng hành của Mạc Đăng Dung. Tháng tư, năm 1526, *Thống Nguyên đế* đi nước cờ cuối cùng trên bàn cờ chính trị là gia phong Mạc Đăng Dung tước “vương” - *An Hưng vương* trở thành quyền thần ngoại tộc đầu tiên và duy nhất dưới thời Lê sơ sở hữu tước vị này.

### **Một vài nhận định thay cho lời kết**

Việc phong tước *Vương* thời Lê sơ đã có những đặc điểm riêng biệt, phản ánh rõ rệt sự phát triển của vương triều qua 2 giai đoạn: khởi nghiệp (quy chế chưa thật sự rõ ràng, quy chuẩn) và từng bước đi vào ổn định, phát triển (có quy định nghiêm ngặt). Song, từ Lê Thái Tổ đến Lê Thánh Tông các Hoàng đế nhà Lê sơ vẫn áp dụng và tuân thủ nguyên tắc “không phong Vương cho quyền thần và người ngoại tộc”.

Tuy nhiên, định chế này đã không còn được duy trì khi cung đình xảy ra biến loạn mà quan trọng hơn là khi Hoàng đế - người giữ vị trí cao nhất trong bộ máy chính quyền quân chủ thời Lê sơ chỉ tồn tại trên danh nghĩa; có nghĩa yếu tố “thời bình” là điều kiện cốt tử để một vương triều xây dựng thể lệ phong tước song thể chế ấy rất dễ bị lung lay và sụp đổ dưới “thời loạn”. Điều này tiếp tục được khẳng định dưới thời Lê Trung hưng, gắn với sự kiện Lê Thế Tông gia phong Trịnh Tùng tước *Bình An vương*, chấp nhận cho Chúa Trịnh mở phủ và được kế tục tước vị.

Tước *An Hưng vương* của Mạc Đăng Dung có nhiều điểm tương đồng với tước “Vương” của Hồ Quý Lý - một quyền thần ngoại tộc dưới thời Trần. Cũng như vương triều Lê Sơ, nhà Trần cũng áp dụng những quy định chặt chẽ về việc phong tước mà nguyên lý chủ đạo, xuyên suốt những năm đầu triều Trần là không phong “Vương” cho người ngoại tộc. Tuy nhiên, bước sang giai đoạn “mạt Trần”, sự bất lực, nhu nhược, uơ hèn của Hoàng đế và tông thất, quý tộc nhà Trần đã mở ra cơ hội để Hồ Quý Lý khống chế vũ đài chính trị. Thời điểm “quyền lực minh quân” hoàn toàn bị lấn át bởi “quyền lực bề tôi” cũng là lúc vua Trần buộc phải gia phong Hồ Quý Lý tước *Trung tuyên Vệ quốc Đại vương*.



---

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Xuân Bảng (bản dịch năm 1997), *Sử học bị khảo*, Đỗ Mộng Khương dịch, Đỗ Ngọc Toại hiệu đính, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội
2. Phan Huy Chú (bản dịch năm 1961), *Lịch triều hiến chương loại chí*, phần *Bang giao chí*, Nxb. Sử học, Hà Nội.
3. Lê Quý Đôn (bản dịch năm 2007), *Đại Việt thông sử*, Ngô Thế Long dịch, Văn Tân hiệu đính, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
4. Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên (bản dịch năm 1993 của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, chuyển thể sang bản điện tử - tài liệu sưu tầm của tác giả.

## THE REGULATION ON GRANTING KING TITLE UNDER THE EARLY LÊ DYNASTY AND THE CASE OF AN HƯNG KING MẠC ĐĂNG DUNG

*Phạm Hoàng Mạnh Hà*

In the early period of Vietnamese monarchical history, “King” was used as a title for the ruler of the state/territory. When the Vietnamese monarchical state was strong enough, along with the sense of national superiority, the ruler of the country proclaimed himself as Emperor. At that time, king was used as a title for princes and other members of the royal family.

The regulation on granting king title under the Early Lê dynasty had distinct characteristics reflecting the development of the dynasty through two stages: the beginning stage with unclear regulation and the mature stage with strict regulation. During the time from Lê Thái Tổ to Lê Thánh Tông reigns, the Emperors of the dynasty practiced the regulation of “not granting King title for courtiers and non-royal family members”.

However, this regulation was no longer maintained when the royal court was in turmoil, especially when the Emperor, the highest-ranking person in the Early Lê monarchy system, had only a nominal role. The evidence is the case of An Hưng King Mạc Đăng Dung, the first and only non-royal family courtier under the Early Lê dynasty who was granted the title of King.